| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án: 347/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Thành Chúng;

2. Ông Phan Phước Tân.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 511/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 9, ấp Vĩnh V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 18, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông C, bà T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ ông Nguyễn Quốc C trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà T do tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và sống chung vào năm 2017, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông và bà T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, không ai quan tâm đến ai nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên cũng nhiều lần hàn gắn nhưng ông và bà T đã thật sự không còn tình cảm với nhau nên không đoàn tụ. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Võ Nguyễn Nhã K, sinh ngày: 15/4//2018. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Kim T trình bày: Bà thống nhất với ông C về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Bà với ông C sống chung từ năm 2017 nhưng chưa không đăng ký kết hôn. Hiện hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2021. Nay ông C yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời ông C trình bày. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự thống nhất, không bổ sung chứng cứ mới và không có ý kiến.

Tại phiên toà:

Hội đồng đồng xét xử đã công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa theo quy định.

Ông C, bà T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Quốc C yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Kim T. Bà T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc vắng mặt của đương sự: Ông C và bà T vẫn bảo lưu ý kiến, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông bà theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa ông C và bà T được xác lập do tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và sống chung vào năm 2017. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng ông C và bà T xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông, bà là phù hợp với Giấy xác nhận số: 01/GXN-UBND ngày 30/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang và Giấy xác nhận ngày 20/72022 của UBND thị trấn V, huyện C. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận ông C và bà T là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Ông C và bà T cùng xác định có 01 con chung tên: Võ Nguyễn Nhã K, sinh ngày: 15/4//2018. Khi ly hôn, ông C và bà T thống nhất: Bà T được tiếp tục nuôi cháu K, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, để nhằm ổn định tâm sinh lý, về điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu K cho bà T tiếp tục nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông C và bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C.

*Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Nguyễn Quốc C và bà Võ Thị Kim T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà Võ Thị Kim T được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Nguyễn Nhã K, sinh ngày: 15/4/2018.

Công nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Hạn chế quyền của của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

*Về án phí*: Ông Nguyễn Quốc C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông Cường đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007053 ngày 30/6/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Sang**